

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-ST

Ngày 01-6- 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hồng Phụng

2. Ông Nguyễn Hoài Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Tú T**, sinh năm 1992(có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị **Cao Diễm T1**, sinh năm 1992(có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Huỳnh Minh K**, sinh năm 1989(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Huỳnh Minh K: Chị Nguyễn Tú T, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, theo văn bản ủy quyền ngày 08/02/2023, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2022 và lời khai tại Tòa án , nguyên đơn chị Nguyễn Tú T, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Minh K trình bày: Vào ngày 21/3/2021 (âm lịch) chị T cho chị T1 vay số tiền 18.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn 01 tháng, khi vay hai bên có làm biên nhận. Do chị T1 không trả số tiền 18.000.000 đồng nên chị T yêu cầu chị T1 trả số

tiền vay 18.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 22/6/2021 (âm lịch) cho đến khi thi hành án xong, lãi suất 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa, chị T cho rằng chị T1 đã thanh toán 900.000 đồng tiền gốc nên chị Trút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 900.000 đồng. Chị T yêu cầu chị T1 thanh toán số tiền nợ gốc 17.100.000 đồng và tiền lãi từ ngày 22/6/2021 (âm lịch) cho đến khi thi hành án xong, lãi suất 0,83%/tháng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn , bị đơn chị Cao Diễm T1 trình bày: Chị T1 thừa nhận vào ngày 21/3/2021, chị T1 có vay tiền của chị T số tiền 18.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất 30%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả. Do chị T1 đã trả tiền gốc 6.000.000 đồng và tiền lãi đã đóng 34.406.000 đồng. Do chị T1 đã trả tiền lãi vượt quá số tiền vay nên chị T1 không đồng ý trả gốc, lãi theo yêu cầu của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Nguyên đơn và người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chưa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị T1 về tranh chấp hợp đồng tài sản. Buộc chị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị T và anh K số tiền nợ gốc 17.100.000 đồng và tiền lãi từ ngày 22/6/2021 đến khi thanh toán xong nợ với lãi suất 0,83%/tháng. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị T1 về yêu cầu chị T1 thanh toán số tiền gốc 900.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Chị T khởi kiện chị T1 yêu cầu trả tiền vay, là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T1 trú tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị T và chị T1 đều xác định chị T1 có vay tiền của chị T số tiền gốc 18.000.000 đồng theo “Biên nhận ngày 21/3/2021”, đây là tình tiết chị T không phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, có căn cứ xác định giữa chị T và chị T1 có phát sinh giao dịch tiền vay với số tiền 18.000.000 đồng.

[2.2] Chị T1 cho rằng chị T1 đã trả số tiền gốc 6.000.000 đồng trực tiếp cho chị T nhưng thời điểm trả tiền không lập biên nhận nên không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Chị T không thừa nhận chị T1 đã trả số tiền 6.000.000 đồng mà

chị thừa nhận chị T1 đã trả số tiền gốc 900.000 đồng nên có căn cứ xác định chị T1 đã trả cho chị T số tiền gốc 900.000 đồng.

[2.3] Tại phiên tòa, chị T1 cho rằng chị T1 và chị T đã đối chiếu nợ vào ngày 22/5/2021 với số tiền gốc là 15.514.000 đồng và thỏa thuận trả tiền lãi 10%/ngày là cho vay nặng lãi. Theo Công văn số 29/CQĐT-ĐTTH ngày 29/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, thể hiện giao dịch vay giữa chị T1 với chị T không có dấu hiệu tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Thấy rằng, chị T1 thừa nhận có vay tiền của chị T1 8.000.000 đồng, chị T thừa nhận đã trả 900.000 đồng nên Hội đồng xét xử buộc chị T1 phải có nghĩa vụ trả cho chị T và anh K số tiền gốc 17.100.000 đồng.

[2.5] Về tiền lãi, chị T1 cho rằng chị T1 đã trả số tiền lãi 34.406.000 đồng, trong đó 03 lần chuyển khoản với số tiền 12.500.000 đồng và 08 lần trả tiền mặt 8.000.000 đồng. Tại Bản sao kê Ngân hàng Thương mại Cổ phần K1 do chị Tiên cung c, thể hiện chị T1 đã thực hiện 05 lần chuyển khoản vào tài khoản của chị Tvà cho rằng 03 lần chuyển khoản ngày 26/11/2021, ngày 13/12/2021 và ngày 17/12/2021 là trả tiền lãi của số tiền vay 15.514.000 đồng mà hai bên đã chốt nợ 22/5/2021, với tổng số tiền là 12.500.000 đồng. Thấy rằng, 03 lần chuyển khoản đều không thể hiện nội dung chuyển tiền nên không có cơ sở xác định số tiền 12.500.000 đồng mà chị T1 chuyển khoản cho chị T là tiền trả lãi của số tiền vay 18.000.000 đồng theo “Biên nhận ngày 21/3/2021”. Mặt khác, ngày 22/4/2021 chị T1 chuyển tiền cho chị T số tiền 1.000.000 đồng, ngày 22/5/2021 chuyển cho chị T số tiền 7.000.000 đồng, cả hai lần chuyển khoản này đều không thể hiện nội dung chuyển khoản nhưng chị T1 cho rằng không phải là tiền trả lãi, trong khi chị T1 thừa nhận chị T1 không chỉ vay tiền của chị T mà còn nợ tiền mua mỹ phẩm, tiền sửa xe và tiền mua quần áo. Từ đó, không có cơ sở xác định số tiền 12.500.000 đồng là tiền chị T1 chuyển khoản trả tiền lãi của số tiền 18.000.000 đồng theo “Biên nhận ngày 21/3/2021”. Đối với số tiền 8.000.000 đồng mà chị T1 cho rằng đã trả tiền mặt cho chị T, do chị T1 không có giấy tờ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[2.6] Chị T cho rằng ngày vay là ngày 21/3/2021 (âm lịch) nhưng biên nhận không thể hiện ngày âm lịch nên Hội đồng xét xử không cơ sở xác định ngày vay tiền là ngày 21/3/2021 (âm lịch) mà có căn cứ xác định ngày vay tiền là ngày 21/3/2021. Thấy rằng, biên nhận không thể hiện thời hạn trả nên hợp đồng vay giữa chị Tvới chị T1 là hợp đồng vay không kỳ hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự, chị T1 phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho chị T đến khi thanh toán xong nợ. Do chị T1 không yêu cầu chị T trả 03 tháng tiền lãi từ ngày vay mà chị Tyêu cầu tiền lãi từ ngày 22/6/2021 đến khi thanh toán xong nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiền lãi của chị T. Tiền lãi từ ngày 22/6/2021 đến ngày 01/6/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 23 tháng 10 ngày x 17.100.000 đồng x 0,83%/tháng = 3.311.700 đồng.

[2.7] Tổng số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày 01/6/2023 là 17.100.000 đồng + 3.311.700 đồng = 20.411.700 đồng. Buộc chị T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị T và anh K số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày 01/6/2023 là 20.411.700 đồng và

tiền lãi từ ngày 02/6/2023 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị T1 về yêu cầu số tiền gốc 900.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị T đối với chị T1 về yêu cầu chị T1 trả số tiền gốc 900.000 đồng theo quy định điểm c khoản 1 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị T1 phải chịu 5% của số tiền 20.411.700 đồng là 1.020.585 đồng. Chị T đã nộp 450.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu số 0001243 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi.

[5] Từ đó, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 219, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tú T đối với chị Cao Diễm T1, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc chị Cao Diễm T1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Tú T và anh Huỳnh Minh K số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày 01 tháng 6 năm 2023 là 20.411.700 đồng (hai mươi triệu bốn trăm mười một nghìn bảy trăm đồng), trong đó tiền gốc 17.100.000 đồng (mười bảy triệu một trăm nghìn đồng), tiền lãi 3.311.700 đồng (ba triệu ba trăm mười một nghìn bảy trăm đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 02 tháng 6 năm 2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tú T đối với chị Cao Diễm T1 về yêu cầu thanh toán số tiền gốc 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Tú T đối với chị Cao Diễm T1 về yêu cầu thanh toán số tiền gốc 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, chị Cao Diễm T1 phải chịu số tiền 1.020.585 đồng (một triệu không trăm hai mươi nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng). Chị Nguyễn Tú T đã nộp 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu số 0001243 ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Trang Thảo